



HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

**CÔNG TY TNHH MTV
CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/11/2017
(Giai đoạn cổ phần hóa doanh nghiệp)

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84-4) 3628 5187 * Fax: (+84-4) 3628 4479 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: phuonglinh_iafc@yahoo.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANG

Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang từ ngày 01/12/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5000126040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Vốn điều lệ của doanh nghiệp theo đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng..

Địa chỉ trụ sở chính: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Các thành viên Ban lãnh đạo đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban lãnh đạo Bà Nông Thị Song Vân Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nông Thị Song Vân - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANG

Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 35 Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang tại ngày 30 tháng 11 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nông Thị Song Vân
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2017



HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

Số : 009/2018/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Lãnh đạo của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/11/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở Kiểm toán ngoại trừ

- Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 30/11/2017. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế đối với số dư khoản mục công nợ phải thu, phải trả này nhưng các thủ tục thay thế chưa giúp chúng tôi có được bằng chứng phù hợp. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, chính xác và giá trị của số dư khoản mục công nợ phải thu, phải trả được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/11/2017 của Công ty;

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84-4) 666.40423 * Fax: (+84-4) 666.40423 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: tinhtb.hvac@gmail.com / cnhn.hvac@gmail.com

Ý kiến của Kiểm toán viên ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, Ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở kiểm toán ngoại trừ” trên đây, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang Tại ngày 30 tháng 11 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Do yêu cầu của việc lập Báo tài chính phục vụ cho mục đích chuyển đổi doanh nghiệp để cổ phần hóa nên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không được trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “*Chuẩn mực chung*” và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “*Trình bày báo cáo tài chính*”.



Bùi Thị Tĩnh

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1027-2018-098-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2018

Lê Thị Liên

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1429-2018-098-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 11 năm 2017

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.230.607.277	18.623.859.411
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.961.343.279	1.631.165.436
1. Tiền	111		7.961.343.279	1.631.165.436
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.977.613.279	10.408.907.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.756.995.209	7.764.424.181
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.750.000	1.217.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	2.067.868.070	1.268.235.191
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	138	V.4	73.000.000	158.948.072
III- Hàng tồn kho	140	V.5	5.246.255.919	6.519.082.506
1. Hàng tồn kho	141		5.246.255.919	6.519.082.506
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		45.394.800	64.704.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	45.394.800	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu	153	V.11	-	64.704.025
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.688.605.420	102.826.757.068
I Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	62.850.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	62.850.000
II- Tài sản cố định	220		107.962.987.617	94.603.102.433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	107.767.427.549	94.603.102.433
- Nguyên giá	222		203.352.700.126	172.077.956.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.585.272.577)	(77.474.854.029)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	195.560.068	-
- Nguyên giá	228		217.357.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.796.932)	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	241	V.7	13.546.708.998	5.577.561.856
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.546.708.998	5.577.561.856
III- Tài sản dài hạn khác	260		3.175.908.805	2.583.242.779
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.175.908.805	2.583.242.779
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		144.919.212.697	121.450.616.479

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 11 năm 2017

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		55.587.212.697	41.450.616.479
I- Nợ ngắn hạn	310		16.225.474.430	9.545.294.975
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.848.022.908	1.120.172.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		365.699.612	2.365.562.709
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.11	895.683.924	724.453.076
4. Phải trả người lao động	314		5.957.013.967	1.992.907.477
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	103.652.000	3.652.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	27.052.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.928.668.776	3.001.764.125
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.126.733.243	309.731.142
II- Nợ dài hạn	330		39.361.738.267	31.905.321.504
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	39.361.738.267	31.905.321.504
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.332.000.000	80.000.000.000
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.15	89.332.000.000	80.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.332.000.000	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến	421a		(3.243.349.413)	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.243.349.413	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		144.919.212.697	121.450.616.479

Trần Thị Khánh
Người lập biểu

Hà Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nông Thị Song Vân
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi xác nhận chữ ký trên là của Giám đốc và Kế toán trưởng của
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153.815.087.970	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153.815.087.970	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	127.627.114.024	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.187.973.946	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.444.500	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	886.598.642	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		886.598.642	-
8. Chi phí bán hàng	24		5.096.861.037	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.467.080.504	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.783.878.263	-
11. Thu nhập khác	31	VI.5	422.670.532	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	69.237.767	-
13. Lợi nhuận khác	40		353.432.765	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.137.311.028	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	893.961.615	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.243.349.413	-

Trần Thị Khánh
Người lập biểu

Hà Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nông Thị Song Vân
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi xác nhận chữ ký trên là của Giám đốc và Kế toán trưởng của
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)

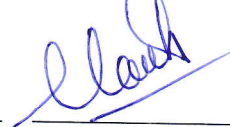
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017

Mẫu B 03-
DN


CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.137.311.028	
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.943.736.073	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.444.500)	
- Chi phí lãi vay	06	886.598.642	
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu	08	22.921.201.243	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.491.144.165	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.272.826.741	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11	15.906.957.711	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.537.847.979	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(886.598.642)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(714.962.114)	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.528.417.083	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21	(46.123.771.035)	
2. Tiền thu từ TL, bán TSCĐ và các TS DH khác	22	422.670.532	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	46.444.500	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.654.656.003)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.134.718.459	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.678.301.696)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.456.416.763	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.330.177.843	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.631.165.436	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.961.343.279	



Trần Thị Khánh
Người lập biểu



Hà Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nông Thị Song Vân
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi xác nhận chữ ký trên là của Giám đốc và Kế toán trưởng của
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang



CHỦ TỊCH


Lê Văn Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước chuyên đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang từ ngày 01/12/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5000126040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Vốn điều lệ của doanh nghiệp theo đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của là dịch vụ cấp nước.

3. Ngành nghề kinh doanh.

- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- ✓ + Chi tiết: Sản xuất và cung cấp nước
- ✓ Thoát nước và xử lý nước thải;
- ✓ Xây dựng nhà các loại;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện
- ✓ + Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, thoát nước;
- ✓ + Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cấp, thoát nước.
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- ✓ + Chi tiết: Xây dựng công trình đập, tràn;
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ + Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng, công nghiệp, công trình kênh, mương;
- ✓ Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- ✓ + Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước;
- ✓ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con; Không có; Danh sách các công ty liên doanh, liên kết.; Không có

6.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Không có

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Các thông tin và số liệu kế toán kỳ trước được trình bày mang tính so sánh.

8. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 11 năm 2017 là 318 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Để phục vụ cho công tác khóa sổ kế toán để chuyển sang công ty Cổ phần, Công ty đã lập BCTC kỳ kế toán tính từ ngày xác định giá trị doanh nghiệp đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/11/2017 theo hướng dẫn tại thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 Hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bản Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi số. NKCC

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. ***Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.***

Công ty không áp dụng nội dung này.

2. ***Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.***

Công ty không áp dụng nội dung này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
 - Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
 - Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.
 - ✦ *Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.*
 - ✦ *Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.*
 - ✦ *Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.*
 - ✦ *Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.*
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
 - Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty không áp dụng nội dung này.

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn
- Lợi thế thương mại

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các chi phí duy tu, sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhằm đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

Công ty không áp dụng nội dung này.

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không áp dụng nội dung này.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 07/03/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang và Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 25/07/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang thành Công ty cổ phần với Vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

Vốn khác của chủ sở hữu được căn cứ theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc phê duyệt dự án cấp thoát nước và vệ sinh môi trường thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Quyết định phê duyệt số 177/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 phê duyệt dự án cấp thoát nước và vệ sinh môi trường thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang để tăng vốn đầu tư khác của chủ sở hữu với số tiền 9.332.000.000 đồng

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (a) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (b) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.
- Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ...
- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phát sinh là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, thuế GTGT và thuế khác.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
- Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế khác
- Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng hiện hành của Nhà nước.

25. Nguyên tắc kế toán các bên liên quan.

- Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

26. Nguyên tắc kế toán Báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

27. Nguyên tắc kế toán ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	791.105.396	660.529.000
Tiền gửi ngân hàng	7.134.899.827	967.622.309
<i>Tiền Việt Nam</i>	7.134.899.827	967.622.309
Tiền đang chuyển	35.338.056	3.014.127
<i>Tiền Việt Nam- Kho bạc Tỉnh</i>	35.338.056	3.014.127
Cộng	7.961.343.279	1.631.165.436

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.756.995.209	7.764.424.181
<i>Công trình Z129</i>	-	791.907.000
<i>Điện đường chiếu sáng và dịch vụ môi trường NH</i>	611.990.628	1.083.917.287
<i>Điện đường + DV môi trường Chiêm Hóa</i>	445.553.200	633.244.814
<i>Quản lý và bảo trì đường bộ C/Hóa</i>	304.863.300	35.089.000
<i>CT trại bò sữa Sơn Dương</i>	342.425.000	342.425.000
<i>Khác</i>	3.052.163.081	4.877.841.080
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Mời xem phần TM Giao dịch với các bên liên quan)	-	-
Cộng	4.756.995.209	7.764.424.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Tiếp theo)

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.067.868.070	-	1.268.235.191	-
- Phải thu về cổ phần hoá;	791.909.680	-	-	-
- Tạm ứng	1.135.236.311	-	806.261.681	-
- Phải thu khác.	140.722.079	-	461.973.510	-
- Dư nợ BHXH	7.404.491	-	-	-
+ Công ty Cổ phần quốc tế Sao Việt (Trả tiền VT thay cho Dự)	-	-	345.217.000	-
+ BQL dự án cấp nước Phần Lan (Vay tiền)	130.526.400	-	-	-
† Khác	2.791.188	-	116.756.510	-
b) Dài hạn	3.000.000	-	62.850.000	-
- Ký cược, ký quỹ;	3.000.000	-	62.850.000	-
Cộng	2.070.868.070	-	1.331.085.191	-

4. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
TSCĐ - Thiết bị thí nghiệm ADB	-	-	-	158.948.072
HT thiết bị hỏng chờ xử lý: CT lắp ống HDPE 160 từ TT Sát	-	73.000.000	-	-
Hạch đi Cây xăng số 4	-	73.000.000	-	-
	-	73.000.000	-	158.948.072

CÔNG TY TNHH MTV CÁP THOÁT NƯỚC TUYẾN QUANG

Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.591.056.471	-	5.159.094.341	-
- Nguyên vật liệu chính	4.580.829.819	-	6.826.528.681	-
- Phí liệu thu hồi	10.226.652	-	13.522.382	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.100.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	655.199.448	-	1.356.888.165	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	5.246.255.919	-	6.519.082.506	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu kỳ	55.105.244.774	28.601.547.376	88.294.664.312	76.500.000	172.077.956.462
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>10.617.746.087</i>	<i>4.277.084.410</i>	<i>17.074.801.057</i>	<i>124.090.909</i>	<i>32.093.722.463</i>
Mua trong kỳ		843.700.000		124.090.909	967.790.909
ĐTXDCB hoàn thành	1.407.144.575	1.897.277.296	4.268.656.498		7.573.078.369
Tặng khác	9.210.601.512	1.536.107.114	12.806.144.559		23.552.853.185
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	<i>818.978.799</i>	-	-	<i>818.978.799</i>
Giảm khác	-	818.978.799	-	-	818.978.799
Số cuối kỳ	65.722.990.861	32.059.652.987	105.369.465.369	200.590.909	203.352.700.126
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu kỳ	25.431.176.511	14.946.565.755	37.087.166.788	9.944.975	77.474.854.029
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>3.945.173.655</i>	<i>7.765.499.414</i>	<i>6.335.467.034</i>	<i>64.278.445</i>	<i>18.110.418.548</i>
Khấu hao trong kỳ	3.945.173.655	7.577.020.007	6.335.467.034	64.278.445	17.921.939.141
Tặng khác	-	188.479.407	-	-	188.479.407
Số cuối kỳ	29.376.350.166	22.712.065.169	43.422.633.822	74.223.420	95.585.272.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	29.674.068.263	13.654.981.621	51.207.497.524	66.555.025	94.603.102.433
Tại ngày cuối kỳ	36.346.640.695	9.347.587.818	61.946.831.547	126.367.489	107.767.427.549

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang	13.546.708.998	13.546.708.998	5.577.561.856	5.577.561.856
Tuyến ống 250 Đập Kỳ Lâm đi Long Bình An	4.003.644.400	4.003.644.400	4.003.644.400	4.003.644.400
GPMB - G/K Long Bình An	787.045.327	787.045.327	787.045.327	787.045.327
Trạm xử lý nước khu CN Long Bình An	5.301.602.095	5.301.602.095	50.244.269	50.244.269
D/C đường ống cấp thoát nước tại TT Na Hang (CTĐT)	2.575.096.705	2.575.096.705	-	-
Các công trình khác	879.320.471	879.320.471	736.627.860	736.627.860
Cộng	13.546.708.998	13.546.708.998	5.577.561.856	5.577.561.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phẩm mềm	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	217.357.000	217.357.000
Mua trong kỳ	217.357.000	217.357.000
Số cuối kỳ	<u>217.357.000</u>	<u>217.357.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	21.796.932	21.796.932
Khấu hao trong kỳ	21.796.932	21.796.932
Số cuối kỳ	<u>21.796.932</u>	<u>21.796.932</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	<u>195.560.068</u>	<u>195.560.068</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	45.394.800	-
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn).	45.394.800	
b) Dài hạn	3.175.908.805	2.583.242.779
<i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.175.908.805	2.583.242.779
Cộng	<u>3.221.303.605</u>	<u>2.583.242.779</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.848.022.908	4.848.022.908	1.120.172.446	1.120.172.446
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phúc Hà	22.908.380	22.908.380	141.899.422	141.899.422
Đội DV thuộc TTNS và VSMT Nông Thôn	-	-	121.329.866	121.329.866
Công ty TNHH Trung Thoan	-	-	155.395.677	155.395.677
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tài Lộc	243.489.000	243.489.000	243.489.000	243.489.000
Công ty TNHH TM XNK Minh Hải	1.899.645.908	1.899.645.908	332.823.407	332.823.407
Lưu Văn Sông	992.954.050	992.954.050	-	-
CTy CP công nghệ MT Nam An (CT: Long Bình An)	442.460.000	442.460.000	-	-
CTy TNHH Hiền Vinh	296.706.190	296.706.190	-	-
Công Ty TNHH Dịch Vụ Hoàng Thanh Long	294.300.000	294.300.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	655.559.380	655.559.380	125.235.074	125.235.074
Cộng	4.848.022.908	4.848.022.908	1.120.172.446	1.120.172.446

CÔNG TY TNHH MTV CÁP THOÁT NƯỚC TUYẾN QUANG

Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***MÃU B 09-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)	Số cuối kỳ VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	71.432.222	4.511.136.343	4.713.212.978	273.508.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	452.715.902	893.961.615	714.962.114	273.716.401
Thuế thu nhập cá nhân	1.090.547	128.903.818	127.813.271	-
Thuế tài nguyên	277.338.704	6.160.835.468	6.001.505.689	118.008.925
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	12.447.241	12.447.241	-
Các loại thuế khác	-	9.125.063	9.125.063	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.106.549	5.878.823.699	5.844.936.043	59.218.893
Cộng	895.683.924	17.595.233.247	17.424.002.399	724.453.076

b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa

Số cuối kỳ VND	Số phát sinh	Số đã thu được trong năm	Số đầu kỳ VND
-	-	64.704.025	64.704.025
-	-	64.704.025	64.704.025

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANGSố 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng
Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến
30/11/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn	103.652.000	3.652.000
<i>Chi phí phải trả khác</i>		
<i>Chi phí kiểm toán BCTC và chi phí khác</i>	103.652.000	3.652.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	103.652.000	3.652.000

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	6.807.162	57.130.852
Bảo hiểm xã hội	-	26.366.389
Bảo hiểm y tế	372.999	-
Phải trả về cổ phần hóa	810.616.380	-
Bảo hiểm thất nghiệp	15.751.024	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.095.121.211	2.918.266.884
<i>Đảm bảo quyết toán CT-XDCB</i>	52.312.000	387.053.000
<i>B.hành CT-LCB/TQ1A (DA)</i>	318.516.719	1.876.118.170
<i>Phí nước thải</i>	291.449.428	210.111.159
<i>Khác</i>	432.843.064	444.984.555
Cộng	1.928.668.776	3.001.764.125

CÔNG TY TNHH MTV CÁP THOÁT NƯỚC TUYẾN QUANG

Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến 30/11/2017

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Từ 01/04/2015 đến 30/11/2017		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b) Vay dài hạn, thuế tài chính	39.361.738.267	39.361.738.267	13.134.718.459	5.678.301.696	31.905.321.504	31.905.321.504
Dự án CN khu CN Long Bình An	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng phát triển ADB	26.138.063.559	26.138.063.559	-	3.267.257.945	29.405.321.504	29.405.321.504
Dự án Phần Lan CN Chiêm Hóa (NHPT)	3.028.200.000	3.028.200.000	3.893.400.000	865.200.000	-	-
Dự án Phần Lan CN Na Hang (NHPT)	7.695.474.708	7.695.474.708	9.241.318.458	1.545.843.750	-	-
Cộng	39.361.738.267	39.361.738.267	13.134.718.459	5.678.301.696	31.905.321.504	31.905.321.504

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ		9.332.000.000		9.332.000.000
Lãi trong kỳ			3.243.349.413	3.243.349.413
Kết chuyển nguồn vốn			(3.243.349.413)	(3.243.349.413)
Số cuối kỳ	80.000.000.000	9.332.000.000	-	89.332.000.000

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANGSố 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng
Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến
30/11/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vốn góp của Nhà Nước	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	153.815.087.970	-
Cộng	153.815.087.970	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng đã bán	127.627.114.024	-
Cộng	127.627.114.024	-

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.444.500	-
Cộng	46.444.500	-

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	886.598.642	-
Cộng	886.598.642	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANGSố 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng
Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang**Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến
30/11/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)****5. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC**

Thu nhập khác	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản khác	422.670.532	
Cộng	422.670.532	-
Chi phí khác		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Khác	69.237.767	
Cộng	69.237.767	-

6. THUẾ TNDN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	893.961.615	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	893.961.615	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

2. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty đã thận trọng nhận định rằng không tồn tại các sự kiện không có trong kế hoạch hoặc chưa được dự tính, dẫn đến khả năng có thể thu được lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp để trình bày phần thuyết minh Báo cáo tài chính là một tài sản tiềm tàng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

3. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang từ ngày 01/12/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5200194312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 01 tháng 12 năm 2017. Ngoài sự kiện trên thì Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính kỳ này.

Trần Thị Khánh
Người lập biểu

Hà Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nông Thị Song Vân
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi xác nhận chữ ký trên là của Giám đốc và Kế toán trưởng của
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hải





THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL



EuraAuditInternational

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG
HUNG VUONG AUDITING COMPANY LIMITED

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Head office: No. 17, Lane 36/4, Luong Dinh Cua Street, Phuong Mai Ward, Dong Da District, Ha Noi City, Viet Nam

Tel: (+84-4) 3628 5187 * Fax: (+84-4) 3628 4479 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: phuonglinh_iafc@yahoo.com.vn